

# Những khó khăn trong ứng dụng Basel vào quản trị rủi ro tín dụng ở Việt Nam

NGUYỄN HỒNG HÀ\*

Môi trường kinh doanh của nền kinh tế luôn biến động, khó lường khiến ngân hàng phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức, đòi hỏi phải có phương pháp quản trị với những quy chuẩn. Basel đã không ngừng hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí để giúp ngân hàng quản trị rủi ro tốt hơn, nhưng việc ứng dụng các chuẩn này ở Việt Nam không dễ dàng do có nguyên nhân cả chủ quan và khách quan.

## TỪ NHẬN THỨC VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro trong hoạt động ngân hàng là những biến cố không mong đợi, mà khi xảy ra sẽ gây tổn thất về tài sản cho ngân hàng, làm giảm sút lợi nhuận thực tế so với dự kiến. Nhìn chung, hoạt động ngân hàng thường gặp 4 loại rủi ro sau: rủi ro tài chính, rủi ro tác nghiệp, rủi ro kinh doanh và rủi ro sự kiện. Rủi ro tín dụng nằm trong nhóm rủi ro tài chính.

Các chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng trong ngân hàng thường, bao gồm: Tỷ lệ nợ quá hạn và Tỷ lệ nợ xấu. Nợ quá hạn là nợ vay đến hạn chưa trả mà không được cho gia hạn; nợ quá hạn kéo dài hay nợ không có khả năng thanh toán được gọi là nợ xấu. Ngoài ra, còn có các chỉ tiêu khác để phản ánh mức độ rủi ro tín dụng trong ngân hàng, như: Tỷ lệ dư nợ có nợ quá hạn; Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng...

Tại Việt Nam, nợ xấu trong ngân hàng luôn là mối bận tâm, nhất là từ năm 2010 trở đi, khối lượng nợ xấu được phản ánh qua các phương tiện truyền thông luôn "nóng". Các vụ án lớn nhỏ, ít nhiều liên quan đến tín dụng, với độ nghiêm trọng tiệm tiến đã đưa vô số cán bộ ngân hàng vào vòng lao lý và xoáy mòn niềm tin của công chúng.

Trước đây, nhận thức về rủi ro tín dụng ở Việt Nam theo lối mòn truyền thống. Yêu cầu là cán bộ cho vay phải bám chặt quy trình nghiệp vụ nặng về

định tính qua ba khâu kiểm soát trước, trong và sau khi cho vay, với mong muốn rủi ro đừng xảy ra để ngân hàng giữ được lợi nhuận. Trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, chỉ tiêu nợ quá hạn không được giao, các chi nhánh cơ sở phải lo thu hết nợ quá hạn mới được xếp thi đua. Khái niệm "nợ quá hạn" không hàm ý phân loại chất lượng nợ vay, khi nợ quá hạn trả 3 ngày hay 3 năm đều được gọi chung là nợ quá hạn.

Nhận thức về rủi ro tín dụng của các ngân hàng Việt Nam bắt đầu thay đổi tích cực hơn khi ngày càng hội nhập sâu rộng, tiếp cận các quy chuẩn quốc tế. Từng ngân hàng Việt Nam lo đổi mới hệ thống lõi (core banking) và tiếp cận các chuẩn mực về quản trị ngân hàng hiện đại - cả về quản trị rủi ro tín dụng - để hội nhập vào nền tài chính quốc tế và khu vực. Ngân hàng không còn trông cậy vào quá trình tác nghiệp cẩn trọng để hy vọng rủi ro không phát sinh, mà phải chủ động phòng chống ngay cả trong tình huống tưởng chừng an toàn gần tuyệt đối. Nhận thức mới về rủi ro tín dụng làm thay đổi theo quan điểm về lợi nhuận. Ngày nay, ngân hàng không nhắm đến lợi nhuận tối đa (maxima), mà là lợi nhuận tối ưu (optima), trong đó ngân hàng luôn dành sẵn một phần dự phòng để tự bù đắp khi có rủi ro - tất nhiên là trong một biên độ định sẵn - đảm bảo luôn có lợi nhuận ổn định.

Các nước trên thế giới ít khi hình sự hóa các giao dịch ngân hàng, nhưng các hệ lụy kinh tế - xã hội của số ngân hàng bị phá sản qua các cuộc khủng hoảng tài chính cục bộ hay lan rộng đã thôi thúc Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking supervision - BCBS) ban hành một số quy chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro trong ngân hàng kể cả rủi ro tín dụng.

Việt Nam chưa phải là thành viên của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng, do đó không bị ràng buộc bởi thời hạn phải tuân thủ các Hiệp ước Basel. Tuy nhiên,

\* TS., Trường Đại học Trà Vinh | Email: honghaicbtv@yahoo.com.vn

**“ Năm 1988, Hiệp ước vốn Basel I ra đời và có hiệu lực từ năm 1992. Năm 1996, Basel I được bổ sung thêm rủi ro thị trường (được thực thi chậm nhất vào ngày 01/01/1998).**

**Ngày 26/06/2004, phiên bản mới của Basel I được ban hành sau cuộc khủng hoảng ngân hàng những năm 1990. Basel II có hiệu lực từ tháng 01/2007 và được thực hiện theo một lộ trình đến hết năm 2009, sau đó thực hiện đầy đủ kể từ năm 2010.**

**Ngày 12/09/2010, chuẩn mực vốn Basel III được đưa ra trong bối cảnh các cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra trên phạm vi toàn cầu những năm 2007-2010, nhằm bổ sung, khắc phục những hạn chế của Basel II. Basel III có hiệu lực từ năm 2013 và được thực hiện theo một lộ trình đến hết năm 2018, sau đó thực hiện đầy đủ kể từ 01/01/2019. ”**

trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản luật và quy định theo định hướng Basel II. Đặc biệt, nhằm phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam theo các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, Ngân hàng Nhà nước đã xác định lộ trình triển khai tuân thủ Basel II. Theo đó, kể từ tháng 02/2016, 10 ngân hàng gồm: BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Techcombank, ACB, VPBank, MB, Maritime Bank, Sacombank và VIB thực hiện thí điểm phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II cho đến cuối năm 2018. Sau giai đoạn này, Basel II sẽ được áp dụng rộng rãi tại các ngân hàng thương mại còn lại.

Nhìn chung, các ngân hàng đang tích cực chủ động thực hiện Basel II, lập kế hoạch Basel II tổng thể, xây dựng các mô hình đánh giá tín dụng, quản lý rủi ro hoạt động, thị trường... theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo các chuẩn mực cao hơn của Basel II.

## **ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN KHI ỨNG DỤNG BASEL**

Việc triển khai Basel không chỉ đơn thuần là vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ, mà cần phải thay đổi văn hóa quản trị gắn với quá trình đổi mới về phương thức quản trị từ cấp cao nhất là hội đồng quản trị đến ban điều hành và gắn với hệ thống chính sách về kinh doanh, nhân sự, lương thưởng... Để Ủy ban Basel ban hành các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại, các ngân hàng trên thế giới đã trải qua hàng trăm năm phát triển, dò dẫm và tìm tòi. Nhưng, để thích nghi với cái mới, các ngân hàng Việt Nam không dễ dàng, nhất là chênh lệch về công nghệ ngân hàng giữa Việt Nam và thế giới hiện quá lớn. Có thể thấy, việc ứng dụng Basel trong quản trị rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại ở Việt Nam có thể khái quát những khó khăn sau:

*Thứ nhất, lãnh đạo ngân hàng chưa nhận thức đầy đủ về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro này.* Giữa các nhà quản trị ngân hàng trong nước, mức độ hiểu biết về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro này theo chuẩn Basel khác nhau rất nhiều. Có người nhanh chóng tiếp

thu tri thức mới, nhưng có người khó tiếp thu vì chưa tin vào cái mới, hay vì năng lực hạn chế. Nguy cơ xuất hiện khi người khó tiếp thu giữ vị trí quản lý trong ngân hàng cao hơn người nhanh chóng tiếp thu tri thức mới. Với quyền hạn trong tay, họ dễ dàng vô hiệu hóa các chương trình bồi dưỡng, đồng thời bỏ qua các đề xuất đổi mới do cấp dưới trình lên. Họ trì hoãn thời gian đổi mới việc quản trị rủi ro tín dụng trong ngân hàng, gây lãng phí rất lớn, kéo dài sự tụt hậu về công nghệ ngân hàng so với thế giới.

Bên cạnh đó, có lãnh đạo ngân hàng chưa hiểu rằng khi lập hệ thống quản trị rủi ro trong đơn vị, cần xác định “khẩu vị” rủi ro, tức là bản thân đơn vị mình chấp nhận rủi ro trong hoạt động đến giới hạn nào. Cho nên, không thể có “khẩu vị” rủi ro chung cho nhiều định chế khác nhau. Một số lãnh đạo ngân hàng, do hệ quả của tính ỷ lại từ thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, cứ kêu gọi và đợi Ngân hàng Nhà nước thể chế hóa chi tiết việc quản lý rủi ro tín dụng để tiện thi hành, trong khi đây là trách nhiệm và quyền lợi của chính mình, mà Ngân hàng Nhà nước không thể chỉ đạo trực tiếp hay làm thay.

*Thứ hai, sự khác biệt về mức độ phát triển thị trường của nền kinh tế.* Hầu hết các nước phương Tây đều theo kinh tế thị trường hàng thế kỷ nay, tạo ra những công cụ hữu hiệu giúp phòng ngừa rủi ro, hệ thống pháp luật bao quát mọi hoạt động xã hội. Còn Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng tính chất thị trường lại chưa được nhiều quốc gia công nhận. Nền kinh tế chưa vận hành ổn định, chưa cung cấp được các công cụ phòng ngừa rủi ro hỗ trợ doanh nghiệp và ngân hàng trong kinh doanh. Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, kín kẽ và hữu hiệu, còn nhiều chồng chéo, vừa thừa lại vừa thiếu.

*Thứ ba, sự yếu kém về năng lực kỹ thuật và tài chính của các ngân hàng thương mại trong nước.* Các ngân hàng trên thế giới không thể quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực tiên tiến với hiệu quả cao nếu không được trang bị các phần mềm hoàn chỉnh xử lý thông tin chính xác với tốc độ cao. Các phần mềm quản trị chuyên dụng hiện có sẵn ở nước ngoài rất đắt tiền, nên không phải ngân hàng nào cũng đủ khả năng tự trang bị sử dụng. Nhìn chung, trong toàn hệ thống ngân hàng ở nước ta, mức độ ứng dụng các phương thức quản trị rủi ro hiện đại

không đồng đều. Năng lực tài chính có hạn đã hạn chế các ngân hàng trong việc hiện đại hóa hoạt động, kể cả khâu quản trị điều hành và đào tạo kỹ thuật viên sử dụng. Gom đủ kinh phí để trang bị phần mềm quản trị tiên tiến đã khó, đào tạo người sử dụng thuần thục càng khó hơn, rồi phần mềm ấy có tương thích với hệ thống ngân hàng lõi hiện tại không cũng luôn là vấn đề khó khăn.

*Thứ tư, có sự khác biệt trong quan điểm về quản lý rủi ro tín dụng giữa Việt Nam và các nước tiên tiến.* Các nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp và ngân hàng ở các nước phát triển luôn xem khoản trích lập dự phòng rủi ro là một hình thức điều hòa lợi nhuận giữa các niên độ kế toán nhằm san sẻ gánh nặng tổn thất. Họ cho rằng, nếu không phát sinh tổn thất, lợi nhuận cao cũng sẽ được phân phối hết, rồi sang niên độ khác, khi bị tổn thất do các giao dịch phát sinh từ trước, cổ đông sẽ chất vấn ban điều hành đương nhiệm. Luật pháp ủng hộ quan điểm của họ, cho phép trích lập dự phòng tối đa sau khi đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận hợp lý để doanh nghiệp chủ động bù đắp tổn thất, đồng thời tiết kiệm công sức theo đuổi vô vọng các khoản nợ ít còn khả năng thu hồi. Khoản dự phòng này còn được dùng như tấm đệm an toàn sẵn sàng bổ sung cho vốn chủ sở hữu của đơn vị khi được phép.

Quy định của Việt Nam chỉ mới thừa nhận rủi ro tín dụng và cho trích lập dự phòng (chung và cụ thể) theo các mức đã biết để bảo đảm tận thu thuế lợi tức cho ngân sách nhà nước. Một số lãnh đạo ngân hàng háms thành tích, còn cố tình không chuyển nhóm nợ vay để trích lập dự phòng ít hơn và công bố mức lợi nhuận ấn tượng, nhưng thiếu an toàn vì tiềm ẩn nhiều nợ xấu. Ngoài ra, Việt Nam còn phân định nhóm nợ theo thời gian quá hạn trả: dưới 10 ngày, từ 10 đến 90 ngày, từ 91 đến 180 ngày, từ 181 đến 360 ngày và trên 361 ngày trong khi nhiều nước phân nhóm theo khả năng thu hồi nợ. Việt Nam từng nghĩ đến cách phân nhóm định tính này, nhưng mấy lần hoãn áp dụng trước

viễn cảnh tăng mạnh việc trích dự phòng rủi ro làm giảm, thậm chí tiêu mất lợi nhuận của các ngân hàng.

*Thứ năm, sự khác biệt trong hạch toán kế toán giữa Việt Nam và các nước tiên tiến.* Một số ngân hàng trong nước có đủ kinh phí để tự trang bị các phần mềm quản trị rủi ro hiện đại, thì hệ thống này cũng chưa đảm bảo vận hành hoàn hảo như nguyên gốc của nó. Bởi, chương trình quản lý rủi ro này chỉ xử lý các cơ sở dữ liệu được lập đúng chuẩn. Trong khi Chuẩn mực kế toán của Việt Nam (VAS) chưa tiệm cận với Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS), các cân đối kế toán của các ngân hàng Việt Nam chưa thể là cơ sở dữ liệu đạt chuẩn theo thiết kế phần mềm quản trị rủi ro mà ngân hàng mua về trang bị.

## CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở những khó khăn chủ yếu khi ứng dụng các chuẩn Basel trong quản lý rủi ro tín dụng hiện nay, tác giả có một số đề xuất sau:

*Một là, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng hiện đại cho các nhà quản lý cùng người chuyên trách tại các ngân hàng, qua đó sàng lọc các nhà quản lý điều hành cao cấp trong ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước có thể nhờ các tổ chức tài chính quốc tế có uy tín cử chuyên gia đào tạo chính thống bằng nguồn viện trợ.*

*Hai là, rà soát lại chế độ hạch toán kế toán hiện hành để đưa VAS tiệm cận với IAS. Cho phép trích lập dự phòng đối với mọi rủi ro trong hoạt động ngân hàng chứ không riêng gì rủi ro tín dụng. Buộc mọi định chế tài chính nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định về hạch toán kế toán, xử lý và công bố thông tin về rủi ro tín dụng trong đơn vị, đồng thời có biện pháp chế tài về hành chính và kinh tế đối với đơn vị vi phạm. Nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại để hiện đại hóa các mặt hoạt động, hội nhập được vào nền tài chính thế giới và khu vực.*

*Ba là, bán nợ xấu hiện nay là một biện pháp hay để cấu trúc lại tài sản có trong ngân hàng, không loại trừ việc quy trách cho người gây ra, nhưng phải minh bạch và thực chất, chứ không phải bằng thủ thuật kế toán tạm giấu bớt nợ xấu, như vậy không giải quyết tận gốc vấn đề nợ xấu.*

*Bốn là, củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) trong việc tập hợp và cung cấp thông tin rủi ro đáng tin cậy, kể cả việc xếp hạng tín nhiệm và chấm điểm tín dụng khách hàng. Nhu cầu thực tế sẽ thu hút các tổ chức chuyên môn quốc tế tham gia hoạt động này để các ngân hàng trong nước tham khảo trong quyết định cho vay hay đầu tư. □*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Tiến (2005). *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*, Nxb Thống kê
2. Trần Huy Hoàng (2010). *Quản trị ngân hàng thương mại*, Nxb Lao động Xã hội
3. Lê Thành Lâm (2015). *Quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng thương mại*, tham luận Hội thảo khoa học Đại học Ngân hàng